

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐA VŨ TRỤ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐA VŨ TRỤ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110153369

3. Ngày thành lập: 18/10/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 27 Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0902121234

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
8.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4541
9.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4543
11.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
12.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
13.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
14.	Bán buôn thực phẩm	4632

15.	Bán buôn đồ uống	4633
16.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
17.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
19.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
20.	Trồng cây ăn quả	0121
21.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
22.	Trồng cây lâu năm khác	0129
23.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
24.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
25.	Chăn nuôi gia cầm	0146
26.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
27.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá độc lập)	8299
29.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
30.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
31.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
32.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
33.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, kế toán, tài chính, thuế)	7020
34.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; Thi công xây dựng công trình; Tư vấn giám sát thi công xây dựng; Tư vấn quản lý chi phí xây dựng;	7110
35.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
36.	Quảng cáo	7310
37.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320

38.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
39.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
40.	Bán buôn tổng hợp	4690
41.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
42.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
43.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
44.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
45.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
46.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
47.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
48.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
49.	In ấn	1811
50.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
51.	Sao chép bản ghi các loại	1820
52.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
53.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
54.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
55.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
56.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
57.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
58.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
59.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
60.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
61.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
62.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
63.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng không)	5229
65.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
66.	Cơ sở lưu trú khác	5590
67.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
68.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
69.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
70.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
71.	Hoạt động xuất bản khác (Trừ hoạt động đầu giá; hoạt động nhà xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử)	5819
72.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động đầu giá; hoạt động nhà xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử)	5820
73.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: - Hoạt động sản xuất phim video	5911
74.	Hoạt động hậu kỳ	5912
75.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Phát hành phim, băng video, đĩa DVD-s và các sản phẩm tương tự cho các sân khấu phim điện ảnh, mạng lưới và trạm truyền hình, các rạp chiếu bóng	5913
76.	Hoạt động chiếu phim	5914
77.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (Trừ hoạt động đầu giá; hoạt động nhà xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử)	5920
78.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
79.	Đại lý du lịch	7911(Chính)
80.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
81.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990

82.	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ	8010
83.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
84.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
85.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
86.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
87.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
88.	Xây dựng nhà để ở	4101
89.	Xây dựng nhà không để ở	4102
90.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
91.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
92.	Xây dựng công trình điện	4221
93.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
94.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
95.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
96.	Xây dựng công trình thủy	4291
97.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
98.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
99.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
100.	Phá dỡ	4311
101.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
102.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
103.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
104.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
105.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
106.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
107.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
108.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
109.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
110.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
111.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

112.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
113.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
114.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
115.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 100.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ MINH ĐỨC	Số 03 phố Cầu Trì, Phường Sơn Lộc, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	99.000	990.000.000	99,000	001088001851	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	99.000	990.000.000	99,000		

2	LÊ MINH NAM	Số 27 Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500	5.000.000	0,500	001095019937	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	500	5.000.000	0,500		
3	LÊ MINH TRÍ	Số 03 phố Cầu Trì, Phường Sơn Lộc, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500	5.000.000	0,500	001093003599	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	500	5.000.000	0,500		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ MINH ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 17/11/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001088001851

Ngày cấp: 02/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: *Số 03 phố Cầu Trì, Phường Sơn Lộc, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 03 phố Cầu Trì, Phường Sơn Lộc, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội